

Ma trận đề thi giữa học kì 2 môn Toán lớp 4

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		TỔNG	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	T L	TN	TL
Nhận biết tính chất cơ bản của phân số. Đọc đúng phân số; Biết thực hiện từng phép tính với phân số; Biết so sánh các phân số	Số câu	2		1	4	2				5	4
	Số điểm	<i>2</i>		<i>1</i>	<i>2</i>	<i>2</i>				<i>5</i>	<i>2</i>
Yếu tố hình học:	Số câu							1		1	
	Số điểm							<i>1</i>		<i>1</i>	
Giải toán	Số câu					1					1
	Số điểm					<i>2</i>					<i>2</i>
Tổng		2		1	4	2	1	1		6	5
		<i>2</i>		<i>1</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>2</i>	<i>1</i>		<i>6</i>	<i>4</i>

ĐỀ KIỂM TRA KSCL CHK II NĂM HỌC 2016– 2017
MÔN TOÁN) LỚP 4
(Thời gian 40 phút)

I/ Phần trắc nghiệm:

Khoanh tròn câu trả lời đúng

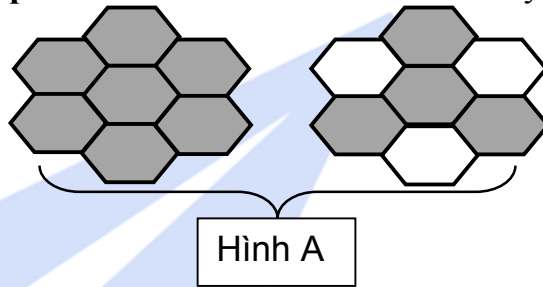
1/ Tìm chữ số thích hợp để viết vào ô trống sao cho $24\square$ chia hết cho cả 3 và 5.

- A. 6 B. 5 C. 9 D. 0

2/ Phân số nào bằng $\frac{6}{8}$:

- A: $\frac{8}{5}$; B: $\frac{3}{7}$; C: $\frac{4}{3}$; D: $\frac{3}{4}$

3 / Phân số nào chỉ **phần đã tô màu** của hình A dưới đây :



- A. $\frac{4}{7}$ B. $\frac{7}{11}$ C. $\frac{11}{7}$ D. $\frac{7}{4}$

4/ Phân số nào sau đây **bằng 1**?

- A: $\frac{7}{11}$ B: $\frac{5}{11}$ C: $\frac{11}{7}$ D: $\frac{7}{7}$

5/ Dãy phân số nào sau đây được viết theo thứ tự **từ bé đến lớn**?

- A. $\frac{3}{8}; \frac{7}{8}; \frac{8}{8}; \frac{9}{8}$ B. $\frac{7}{8}; \frac{3}{8}; \frac{8}{8}; \frac{9}{8}$ C. $\frac{9}{8}; \frac{8}{8}; \frac{7}{8}; \frac{3}{8}$ D. $\frac{8}{8}; \frac{9}{8}; \frac{3}{8}; \frac{7}{8}$

6/ Diện tích hình bình hành có diện tích bằng hình chữ nhật. Biết chiều dài 10 cm, chiều rộng là 5cm. Vậy diện tích của hình bình hành là.

- A: 15cm^2 B: 30cm^2 C: 50cm^2 D: 45cm^2

II/ Phần tự luận:

1/ Tính :

- a) $\frac{7}{5} + \frac{3}{10}$ b) $\frac{5}{2} - \frac{8}{7}$ c) $\frac{4}{7} \times \frac{6}{4}$ d) $\frac{3}{8} : \frac{4}{6}$

2/ Hiệu của hai số là 1080. Tìm hai số đó , biết rằng gấp 7 lần số thứ nhất thì được số thứ hai.

HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA KSCL CHK II NĂM HỌC 2016– 2017
MÔN TOÁN (10 ĐIỂM)
LỚP 4

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM: (6 điểm)

Học sinh điền đúng mỗi câu đạt 1 điểm

Câu 1 : (1 điểm) ý D

Câu 2 : (1 điểm) ý D

Câu 3 : (1 điểm) ý C

Câu 4 : (1 điểm) ý C

Câu 5 : (1 điểm) ý A

Câu 6 : (1 điểm) ý C

II/ PHẦN TỰ LUẬN: (4 điểm)

Câu 1: 2 điểm : Học sinh làm đúng mỗi phép tính đạt 0,5 điểm

Câu 2: 2 điểm

Hiệu số phần bằng nhau } (đạt 0,5 điểm)
 $7 - 1 = 6$ (phần) }

Số thứ nhất là } (đạt 0,5 điểm)
 $1080 : 6 = 180$ }

Số thứ hai là } (đạt 0,5 điểm)
 $1080 + 180 = 1260$ }

Đáp số: số thứ nhất: 180 }
Số thứ hai : 1260 } (đạt 0,5 điểm)